

Số: 03 /GCN-SXD-KT&VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 07/02/2025; hồ sơ khắc phục ngày 24/3/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển (Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H29.18-250208-0001 ngày 12/02/2025 và ngày 27/3/2025 do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố); Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 24/3/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển;

Xét Biên bản đánh giá thực tế ngày 26/02/2025 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và báo cáo ngày 27/3/2025 của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục của doanh nghiệp;



CHỨNG NHẬN:**1. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303592115, đăng ký lần đầu ngày 23/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/02/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: số 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 38211486.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm Cơ lý Đất và Vật liệu xây dựng – Kiểm định.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 328 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 02, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 58.040 (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tải website);
- Lưu VT, KT&VLXD/NTD, H.

Biên nhận: H29.18-250208-0001 ngày 12/02/2025 và ngày 27/3/2025.



Trương Trung Kiên



**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.040**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 03 /GCN-SXD-KT&VLXD ngày 02/4/2025 của Sở Xây dựng)

TT	TÊN PHÉP THỬ	CƠ SỞ PHÁP LÝ TIẾN HÀNH THỬ NGHIỆM (*)
I. THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
1	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006 ASTM C136/C136M-19; AASHTO T 27-23
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước cốt liệu mịn	TCVN 7572-4:2006; ASTM C128-22; AASHTO T 84-22
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127-24; AASHTO T 85-22
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29/C29M-23
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ASTM C566-19; ASTM D2216-19
6	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét, trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142/C142M-17 (2023); AASHTO T 112-23
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
10	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006
11	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 0.075 mm	AASHTO T 11-24; TCVN 9205:2012; ASTM C117-23
II. THÍ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG		



TT	TÊN PHÉP THỬ	CƠ SỞ PHÁP LÝ TIẾN HÀNH THỬ NGHIỆM (*)
12	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022
III. THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
13	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T 100-22
14	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T 265-22
15	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318-17e1; AASHTO T 89-22; AASHTO T 90-22
16	Phương pháp phân tích thành phần hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14134-3:2024; ASTM D1140-17; AASHTO T 27-23; AASHTO T 88-22
17	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; ASTM D3080/D3080M-23; AASHTO T 236-22
18	Xác định tính nén lún và nén cố kết của đất	TCVN 4200:2012; ASTM D2435/D2435-11 (2020); AASHTO T 216-22
19	Thí nghiệm đặc trưng cố kết một chiều của đất dính bão hòa nước bằng phương pháp chất tải có kiểm soát biến dạng	ASTM D4186/ D4186M- 20e2
20	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén proctor trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020; ASTM D1557-12 (2021); ASTM D698-12 (2021); AASHTO T 99-22; AASHTO T 180-22

TT	TÊN PHÉP THỬ	CƠ SỞ PHÁP LÝ TIẾN HÀNH THỬ NGHIỆM (*)
21	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; TCVN 10322:2014
22	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết – không thoát nước và cố kết – thoát nước của đất dính trên thiết bị nén 3 trục (UU;CU;CD)	TCVN 8868:2011; ASTM D2850-24; ASTM D4767-11 (2020); ASTM D7181-20
23	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông của đất dính	ASTM D2166/D2166M-24
24	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D2434-22; AASHTO T 215-23; TCVN 8723:2012
25	Phương pháp xác định tỉ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; ASTM D1883-21; AASHTO T 193-22
26	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
27	Xác định góc nghiêng tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012
28	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất bằng phương pháp lò nung	AASHTO T 267-22; ASTM D2974-20e1
29	Xác định đặc trưng trương nở của đất	ASTM D4546-21; TCVN 8719:2012
30	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8727:2012
IV. THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
31	Xác định khối lượng thể tích của đất, độ chặt đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020
32	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:2012; ASTM D1556; TCVN 8730:2012
33	Xác định chỉ số CBR	TCVN 8821:2011
34	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	TCVN 10184:2021;

TT	TÊN PHÉP THỬ	CƠ SỞ PHÁP LÝ TIẾN HÀNH THỬ NGHIỆM (*)
		ASTM D2573/D2573M-18
35	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586/D1586M-18e1
36	Thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013 ASTM D5778:20
37	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
38	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
39	Bê tông - Xác định cường độ nén bằng máy siêu âm	TCVN 13536:2022
V. PHÂN TÍCH NƯỚC CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA; NƯỚC TRỘN BENTONITE		
40	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)
41	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996
42	Xác định hàm lượng ion Sunfat	TCVN 6200:1996 ISO 9280:1990 (E)
43	Xác định tổng canxi và magiê phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224:1996
44	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ (Xác định chỉ số pemanganat)	TCVN 6186:1996
45	Xác định hàm lượng cặn	TCVN 4560:1988

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.